TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HS-ST
Ngày: 05 - 6 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Thanh Bình và Ông Bùi Công Hoan

-Thư ký Pên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Ông Nông Quang Chung - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Cảnh H, sinh năm 1997 tại Bình Phước; nơi cư trú đội 4, ấp D, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Cảnh H, sinh năm 1974 và bà Trần Thị L, sinh năm 1974; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không;

Tiền sự: 01 – Ngày 28/8/2018, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn số 146/QĐ-UBND với thời gian 03 (ba) tháng do là đối tượng nghiện ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2018 cho đến nay.

2. Hoàng Xuân P, sinh năm 1990 tại Bình Phước; nơi cư trú ấp D, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Xuân H (đã chết) và bà Đinh Thị L, sinh năm 1960; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không;

Tiền sự: 01- Ngày 24/3/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 05/2017/QĐ-TA với thời gian 01 (một) năm 03 (ba) tháng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2019 cho đến nay.

3. Đặng Đình H, sinh năm 1999 tại Bình Phước; nơi cư trú ấp 07, xã Tiến H, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đặng Đình H (đã chết) và bà Đinh Thị V, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Anh Trần Ngọc C, sinh năm 1995; nơi cư trú ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước "vắng mặt".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Văn T, sinh năm 1989; nơi cư trú ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước "vắng mặt";

Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1969 "có mặt";

Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1992 "có mặt".

Cùng cư trú tại ấp 07, xã Tiến H, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Người làm chứng:

Nguyễn Tấn P (tên gọi khác: C), sinh năm 1991, nơi cư trú khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "vắng mặt".

Anh Đỗ Công D (tên gọi khác: L), sinh năm 1998; nơi cư trú ấp 07, xã Tiến H, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Pên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đây Nguyễn Cảnh H1 nợ Nguyễn Huy H2 số tiền 1.000.000 đồng nên khoảng 13 giờ ngày 14/10/2018, H1 đang ở nhà Đặng Đình H3 tại ấp 7, xã Tiến H, thành phố Đ thì H2 cùng Hoàng Xuân P đến gặp H1 để đòi nợ nhưng H1 không có tiền thì H2 yêu cầu H1 phải trả trong ngày, nếu có tiền hoặc không có tiền thì cũng đến gặp H2 tại căn nhà hoang thuộc ấp 7, xã Tiến H, thành phố Đ, sau khi nói xong H2 bỏ đi. Lúc này P gợi ý H1 có bạn bè nào để mượn tiền hoặc mượn xe mang đi cầm lấy tiền trả nợ cho H2. Sau khi được P gợi ý, H1 mới nhớ đến anh Trần Ngọc C là bạn của H1 có xe mô tô hiệu Airblade biển số 93M1 – 171.67 nên đã nảy sinh ý định hẹn anh C đến nhà nghỉ "H" thuộc ấp 3, xã Tiến H, thành phố Đ với mục đích nếu anh C có tiền thì H1 sẽ hỏi mượn tiền để trả nợ cho H2, nếu anh C không có tiền thì H1 sẽ lừa lấy xe máy của anh C mang đi cầm lấy tiền trả cho H2. H1 mượn sim điện thoại di động của H3 để điện cho anh C và hẹn gặp C tại nhà nghỉ "H" thì anh C đồng ý. Sau khi H1 điện thoại xong thì P nói với H3 cùng đi ra nhà nghỉ "H" giúp H1 lừa lấy xe máy của bạn H1

mang đi cầm lấy tiền trả nợ cho H2 và chia nhau tiêu xài thì H3 không đồng ý nên P nhờ H1 chở P và H3 đi ra nhà nghỉ "Huy Hoàng 2" thì H3 đồng ý và sử dụng chiếc xe Cup 50 không rõ biển số chở P và H1 đi. Trên đường đi, P và H1 tiếp tục rủ H3 giúp H1 lừa lấy xe máy của anh C mang đi cầm lấy tiền chia nhau tiêu xài thì khi này H3 đồng ý và cùng H1, P đi đến thuê phòng số 5 tại nhà nghỉ "H". H1 và H3 ở trong phòng nghỉ đợi C đến còn P đi xe máy của H3 đứng đợi ở ngoài đường. Khoảng 17 giờ, anh C đi xe mô tô Airblade biển số 93M1 – 171.67 đến gặp H1 thì H1 hỏi mượn C số tiền 1.000.000 đồng nhưng C không có thì H1 tiếp tục hỏi mượn xe của anh C để đi mua đồ ăn thì anh C đồng ý và giao xe cho H1 mượn. Sau khi mượn được xe, H1 chạy xe mô tô của C đi ra ngoài, cùng P chạy đến một căn nhà hoang ở ấp 7, xã Tiến H chờ H2 đến. Sau đó, H3 đi bộ đến gặp P, H3 lấy sim điện thoại di động và xe Cup của H1 rồi đi về nhà.

Khoảng 18 giờ 30 phút, H2 đến căn nhà hoang gặp H1, P. Lúc này H1 nhờ H2 mang chiếc xe mô tô Airblade biển số 93M1 – 171.67 đi cầm lấy tiền trả nợ cho H2 thì H2 đồng ý. H2 điều khiển xe mô tô biển số 93M1 – 171.67 chở P và H đến khu vực chợ T, huyện Đ gặp Hoàng Huy B (tên thương gọi là B) và nhờ B mang xe đi cầm giúp thì B đồng ý. Sau đó H và P ở lại nhà B, còn H2 và B đem xe mô tô biển số 93M1 – 171.67 đi cầm cho một đối tượng tên Chuột tại phường T, thành phố Đ được 8.000.000 đồng nhưng người cầm đã lấy lời trước 1.000.000 đồng còn 7.000.000 đồng H2 mang về đưa cho H1. H1 trả cho H2 1.000.000 đồng số tiền còn lại, H1 sử dụng vào việc mua ma túy về sử dụng, trả tiền nhà nghỉ, trả tiền xe taxi và tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi thấy H1 không đem xe về trả lại nên ngày 17/10/2018, anh C đến Công an xã Tiến H tố cáo hành vi của H1. Đến 16 giờ ngày 18/10/2018, Nguyễn Cảnh H đã đến công an xã Tiến H để đầu thú và khai báo hành vi phạm tội của mình. Ngày 14/02/2019, Hoàng Xuân P đến đầu thú tại Công an thành phố Đ và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận định giá tài sản số 134/KLĐG ngày 24/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng thành phố Đ xác định: Chiếc xe mô tô hiệu Airblade màu đỏ đen biển số 93M1 – 171.67 đã qua sử dụng, trị giá: 20.000.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ Chiếc xe mô tô hiệu Airblade màu đỏ đen biển số 93M1 – 171.67 đã được ông Nguyễn Thanh H là cha ruột của Nguyễn Huy H chuộc lại và giao nộp cho Cơ quan điều tra, hiện đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Đối với chiếc xe Cup 50 của Đặng Đình H, Cơ quan điều tra không thu hồi được do sau khi giúp H phạm tội, chiếc xe nêu trên đã bị mất.

Tại bản cáo trạng số 68/CT-VKS-ĐX ngày 10/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố các bị cáo Nguyễn Cảnh H, Hoàng Xuân P và Đặng Đình H về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Pên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Cảnh H mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Xuân P mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Đình H mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo H1, P và H3 tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng số 68/CT-VKS-ĐX ngày 10/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với kết luận điều tra; biên bản định giá tài sản, cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ cho Nguyễn Huy H2 nên sau khi được Hoàng Xuân P gợi ý việc đi mượn xe cầm cố lấy tiền thì khoảng 13 giờ ngày 14/10/2018 Nguyễn Cảnh H đã đưa ra thông tin gian dối là hẹn gặp anh Trần Ngọc C đến nhà nghỉ "H" thuộc ấp 3, xã Tiến H, thành phố Đ nhờ sửa điện thoại, sau đó H1 cùng P và Đặng Đình H3 tìm đến thuê phòng số 5 tại nhà nghỉ "H" để tìm gặp anh C.

Khoảng 17 giờ khi anh C đi xe mô tô Airblade biển số 93M1 – 171.67 đến gặp H1 tại nhà nghỉ thì H1 nói dối là mượn xe của anh C để đi mua đồ ăn rồi cùng P chạy xe đến gặp H2 để H2 liên hệ Hoàng Huy B (tên thương gọi là B) đi cầm xe cho một đối tượng tại phường T, thành phố Đ để lấy 7.000.000 đồng. H1 trả cho H2 1.000.000 đồng số tiền còn lại H1 sử dụng vào việc mua ma túy về sử dụng, trả tiền nhà nghỉ, trả tiền xe taxi và tiêu xài cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 134/KLĐG ngày 24/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng thành phố Đ xác định: Chiếc xe mô tô hiệu Airblade màu đỏ đen biển số 93M1 – 171.67 đã qua sử dụng, trị giá: 20.000.000 đồng.

[3] Hành vi đưa ra thông tin gian dối để chủ sở hữu tin tưởng giao tài sản sau đó chiếm đoạt trái phép của bị cáo Nguyễn Cảnh H, Hoàng Xuân P và Đặng Đình Hiếu đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị 20.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố các bị cáo về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Các bị cáo là người đã thành niên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc đưa ra thông tin gian đối để người bị hại tin tưởng giao tài sản rồi chiếm đoạt tài sản là hành vi phạm tội nH vì mục đích tiêu xài cá nhân mà các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người người bị hại, là khách thể được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, nH cũng cần phân tích vai trò của từng bị cáo trong việc cá thể hóa hình phạt:

Đối với bị cáo Nguyễn Cảnh H: Sau khi được Hoàng Xuân P gợi ý việc mượn tài sản đem đi cầm cố lấy tiền bị cáo đã khởi xướng việc chiếm đoạt tài sản của anh Trần Ngọc C, sau khi hẹn anh C ở nhà nghỉ H, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối là mượn Chiếc xe mô tô hiệu Airblade màu đỏ đen biển số 93M1 – 171.67 đi mua đồ ăn sau đó cùng P đem đến nhờ Nguyễn Huy H2 đem đi cầm để H1 trả nợ cho H2 và chia nhau tiêu xài. Bản thân bị cáo đã có 01 tiền sự: Ngày 28/8/2018, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn số 146/QĐ-UBND với thời gian 03 (ba) tháng do là đối tượng nghiện ma túy. Do đó cần phải có mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Hoàng Xuân P: Bị cáo là người gợi ý cho H việc chiếm đoạt tài sản, sau khi H khởi xướng việc chiếm đoạt tài sản của anh C thì bị cáo đã đồng ý giúp H thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của anh C, ngoài việc rủ rê Đặng Đình H tham gia cùng H, bị cáo còn thực hành việc lấy xe của anh C rồi cùng H gặp H2 để đi cầm xe chia nhau tiêu xài. Bị cáo đã có 01 tiền sự: Ngày 24/3/2017, bị Tòa án nhân dân huyện

Đ, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 05/2017/QĐ-TA với thời gian 01 (một) năm 03 (ba) tháng. Do đó cũng cần có mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với Đặng Đình H3: Sau khi cho H1 mượn sim điện thoại liên lạc với anh C, bị cáo không đồng ý thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của anh C cùng H1 và P, tuy nhiên khi được P nhờ chở H1 và P đến nhà nghỉ và rủ tham gia chiếm đoạt chiếc xe của anh C thì bị cáo đã đồng ý, bị cáo đã thực hành việc giúp sức chở các và vào thuê phòng tạo niềm tin để anh C cho H1 mượn tài sản. Do đó cũng cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Các bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ như sau: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo H1, P sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội; bị cáo H3 được người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt, nên bị cáo Nguyễn Cảnh H và Hoàng Xuân P được áp dụng tình tiết gảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đặng Đình H được áp dụng tình tiết gảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần xem xét trong việc lượng hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Đối với Nguyễn Huy H2 và Hoàng Huy B có hành vi mang chiếc xe mô tô Airblade biển số 93M1 – 171.67 đi cầm cố lấy tiền giúp cho bị cáo H1. Tuy nhiên H2 không biết chiếc xe mô tô Airblade biển số 93M1 – 171.67 là do các bị cáo H, H3 và P phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng tên Hoàng Huy B (tên gọi khác B) hiện tại không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đ chưa làm việc được nên chưa có cơ sở xử lý.

Đối với chiếc xe Cup 50 của Đặng Đình H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đ không thu hồi được do đã bị mất nên chưa có cơ sở xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại anh anh Trần Ngọc C đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc ông Nguyễn Thanh H bỏ tiền để chuộc lại chiếc xe máy mà Nguyễn Huy H đem đi cầm, ông H tự nguyện chuộc xe để trả lại cho người bị hại anh Trần Ngọc C thay cho Hoàng. Tại phiên tòa ông H không yêu cầu H và các bị cáo hoàn trả nên cần ghi nhận.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Cảnh H, Hoàng Xuân P và Đặng Đình H phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Cảnh H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Xuân P 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/02/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Đình H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

3. Về trách nhiệm dân sự: Do các bên không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo H1, P, H3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại Pên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại Pên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND Thành phố Đ;*
- *VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS Thành phố Đ;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.*
- *CA Thành phố Đ;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

Lê Văn An